

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

Thời gian tổ chức: Bắt đầu 6h45, ngày 16 tháng 4 năm 2021;

Địa điểm: Hội trường công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa,
số 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang.

I. Khai mạc Đại hội:

1. Đón tiếp đại biểu, cổ đông bắt đầu từ 6h45’;
2. Đăng ký cổ đông và phát tài liệu;
3. Khai mạc: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự;
4. Báo cáo kết quả thăm tra tình hình cổ đông tham dự đại hội;
5. Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội;
6. Giới thiệu và thông qua Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu;
7. Giới thiệu và thông qua chương trình Đại hội.

II. Trình bày các báo cáo và tờ trình:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất – kinh doanh, đầu tư năm 2021;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020;
3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020;
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;
5. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020; Chi cổ tức phần lợi nhuận còn lại năm 2018; kế hoạch cổ tức 2021.
6. Tờ trình thông qua Báo cáo quyết toán thù lao năm 2020, kế hoạch chi trả thù lao 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký, quản trị nội bộ;
7. Tờ trình về việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp để đầu tư, cải tạo hệ thống cấp nước đã xuống cấp trên địa bàn thành phố Nha Trang, huyện Diên Khánh, huyện Cam Lâm
8. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán tài chính năm 2021;
9. Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
10. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thành viên HĐQT và BKS.

III. Thảo luận - Biểu quyết – Bầu cử.

1. Thảo luận
2. Biểu quyết các vấn đề cần thông qua đại hội.
3. Báo cáo kết quả biểu quyết.
4. Bầu cử: Bầu bổ sung các thành viên HĐQT, thành viên BKS.
5. Báo cáo kết quả bầu cử;
6. Thành viên mới của HĐQT và BKS ra mắt đại hội.
7. Tặng quà lưu niệm cho các thành viên từ nhiệm.

IV. Bế mạc Đại hội

1. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội;
2. Tuyên bố bế mạc Đại hội;

BAN TỔ CHỨC

Số: /BC-CTN

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4200238007
- Vốn điều lệ: 260.000.000.000 đồng
(Hai trăm sáu mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của Nhà nước: 132.600.000.000 đồng
- Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Số điện thoại: 0258.3815372
- Số fax: 0258.3810740
- Website: ctnkh.com.vn

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa
- Mã chứng khoán: KHW

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa là Công ty Cấp thoát nước Khánh Hòa, được thành lập ngày 29/10/1979 theo Quyết định số 2457/UB-TC của UBND tỉnh Phú Khánh.
- Tháng 9 năm 2010, công ty chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa.
- Ngày 02/01/2014, từ công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa chuyển sang công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa, được kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa.
- Ngày 10/01/2017, công ty tiến hành lưu ký cổ phiếu, mã cổ phiếu là: KHW tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- Ngày 20/2/2017, công ty tổ chức phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại sàn giao dịch UPCOM.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

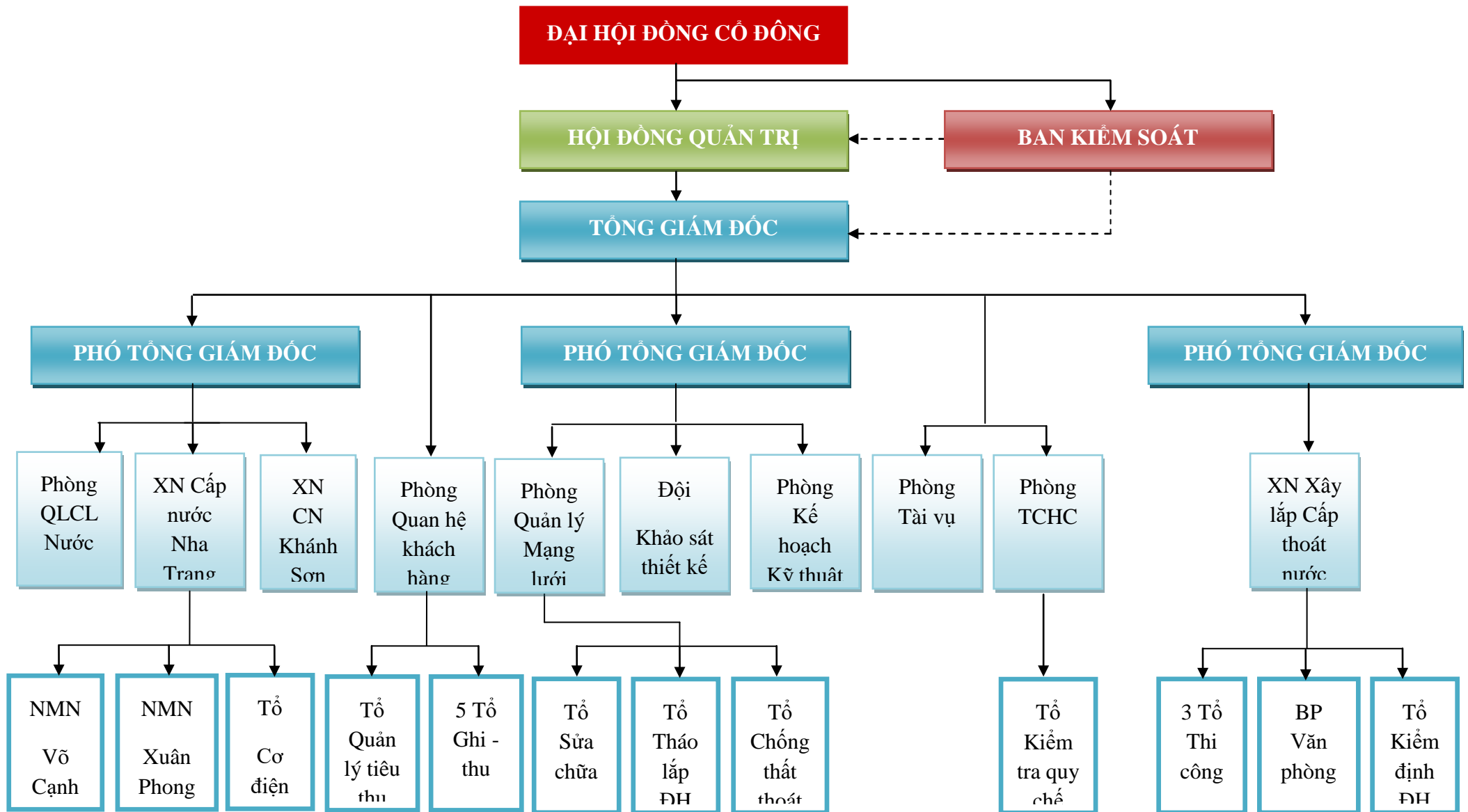
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất, kinh doanh nước sạch;
 - + Lập dự án đầu tư, Tư vấn, thiết kế, giám sát và thi công các công trình cấp thoát nước;
 - + Cung cấp các dịch vụ về hoạt động thoát nước và vệ sinh môi trường.
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Nha Trang, huyện Diên Khánh, huyện Cam Lâm, huyện Khánh Sơn.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;

- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc:
- Cơ cấu các phòng, ban, đơn vị: (xem sơ đồ tổ chức công ty)
- Tổng số cán bộ - công nhân viên tính đến 31/12/2020 là 326 người.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



II. Tổng kết công tác sản xuất – kinh doanh năm 2020 của công ty:

1. Tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh:

- Cơ cấu vốn Điều lệ của công ty, tính đến ngày 31/12/2020:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Số tiền	Cổ phần	Tỷ lệ
Tổng vốn điều lệ:	260.000.000.000 đồng	26.000.000 CP	100%
Nhà nước	132.600.000.000 đồng	13.260.000 CP	51%
REE	114.096.000.000 đồng	11.409.600 CP	43,88%
CBCNV	9.631.500.000 đồng	963.150 CP	3,71%
CD ngoài khác	3.672.500.000 đồng	367.250 CP	1,41%

2. Kết quả Sản xuất – kinh doanh năm 2020:

TT	CHỈ TIÊU	ĐV	KH 2020	TH 2020	TỶ LỆ	KH 2021
I	GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG	1.000	454.550.000	403.575.143	88,79	414.653.000
1	Doanh thu nước máy	-	365.000.000	329.873.998	90,38	334.000.000
2	Giá trị xây lắp	-	86.000.000	70.107.616	81,52	77.000.000
3	Giá trị KSTK	-	3.550.000	3.593.529	101	3.653.000
II	SẢN PHẨM CHỦ YẾU					
1	Nước sản xuất	m ³	56.709.000	53.201.286	93,81	53.333.000
1.1	NMN Võ Cảnh	-	45.934.000	41.676.720	90,73	42.093.000
1.2	NMN Xuân Phong	-	5.300.000	5.069.920	95,66	5.120.000
1.3	NMN Suối Dầu	-	5.475.000	6.454.646	117,89	6.120.000
2	Nước tiêu thụ	-	48.202.650	44.825.245	92,99	45.333.000
3	Tỷ lệ thất thoát	%	15	15,74		<15
4	Tồn thu	%	1,5DT tháng	0,096/năm 316.032		<1,5DT tháng
5	KH phát triển	Hộ	7.200	6.516	90,50	6.600
III	CHI TRẢ CỔ TỨC	%	9,7	10		10,2
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.000	45.800.000	42.573.355	93	42.800.000
V	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	-	41.500.000	37.577.332	89	38.500.000
	Lợi nhuận còn lại năm 2018					4.657.968
VI	NỘP NGÂN SÁCH	-	16.200.000	20.769.680	128	17.700.000
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.500.000	4.634.062	103	5.000.000
2	Thuế GTGT	-	7.000.000	10.912.343	156	8.000.000
3	Thuế Tài nguyên	-	1.700.000	1.910.948	112	1.700.000

4	Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.000.000	3.312.327	110	3.000.000
VII	CÁC KHOẢN NỢ KHÁC	-	12.600.000	8.048.949	63,88	13.900.000
1	Cổ tức trên vốn chủ sở hữu	-	11.500.000	6.934.140	60,30	12.800.000
	Cổ tức trên vốn chủ sở hữu (còn lại năm 2018)					2.375.564
2	Phí khai thác tài nguyên nước	-	1.100.000	1.114.809	101,3	1.100.000

Những khó khăn trong quá trình sản xuất – kinh doanh:

Năm 2020 là năm công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác sản xuất kinh doanh. Do ảnh hưởng của dịch covid 19, Sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ giảm nhiều. Khách hàng nợ tiền nước gia tăng. Sự cố rò rỉ, thất thoát nước cũng gia tăng.

- Doanh thu tiền nước năm 2020 đạt tỷ lệ 90,38% so với kế hoạch, So với cùng kỳ 2019, đạt tỷ lệ : 96,73% (giảm 11,126 tỷ đồng).
- Tổng số tiền nước giảm theo công văn số 4222/UBND-KT ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc miễn, giảm giá nước sinh hoạt do tác động của dịch covid 19 trong các tháng: 5,6,7/2020: là 1,697 tỷ đồng.

3. Tình hình tài chính:

3.1 Kết quả về hoạt động tài chính của công ty năm 2020 đã được kiểm toán:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020
1	Vốn điều lệ	260.000.000.000	260.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu	319.135.399.906	326.267.223.743
3	Tổng tài sản:	586.296.571.757	538.209.455.207
	<i>Tài sản ngắn hạn:</i>	170.965.699.242	169.505.129.267
	- Tiền và các khoản tương đương tiền:	23.963.403.343	22.248.371.303
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	48.000.000.000	64.000.000.000
	- Các khoản phải thu ngắn hạn:	52.122.078.078	37.983.661.094
	- Hàng tồn kho:	43.497.995.777	43.848.994.453
	- Tài sản ngắn hạn khác:	3.382.222.044	1.424.102.417
	<i>Tài sản dài hạn:</i>	415.330.872.515	368.704.325.940
	- Tài sản cố định:	390.372.275.233	324.362.878.950
	- Tài sản dở dang dài hạn:	2.707.993.031	19.971.447.913
	- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	22.250.604.251	23.727.804.251
	-Tài sản dài hạn khác:		642.194.826
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	382.417.733.758	352.347.466.237
5	Các khoản giảm trừ doanh thu:	66.635.179	79.350.245
6	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	382.351.098.579	352.268.115.992

7	Giá vốn hàng bán:	324.526.177.053	306.097.994.295
8	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	57.824.921.526	46.170.121.697
9	Doanh thu hoạt động tài chính:	3.855.436.721	4.493.605.323
10	Chi phí tài chính:	4.108.693.316	1.222.201.555
	Trong đó chi phí lãi vay:	4.662.354.654	2.699.401.555
11	Chi phí bán hàng:	615.537.824	622.838.176
12	Chi phí quản lý doanh nghiệp:	11.988.085.587	9.066.663.237
13	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	44.968.041.520	39.752.024.052
14	Thu nhập khác:	5.161.361.600	7.681.822.022
15	Chi phí khác:	5.155.200.311	4.860.491.434
16	Lợi nhuận khác:	6.161.289	2.821.330.588
17	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	44.974.202.809	42.573.354.640
18	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	4.874.413.596	4.996.021.803
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:	40.099.789.213	37.577.332.837
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	1.300	1.446

3.2 Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất năm 2020 của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; các chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh Khánh Hòa giao cho công ty thực hiện, trong năm 2020. Do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19 kéo dài, công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về sản xuất, kinh doanh. Kết quả đã được thể hiện qua các bảng số liệu phía trên báo cáo .
- Về công tác quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất của công ty vẫn ổn định, đảm bảo cấp nước liên tục, chất lượng đạt quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT.
- Công ty vẫn duy trì tiếp quản nguồn nước từ nhà máy nước Suối Dầu hiệu quả;
- Trong năm 2020 đã mở rộng phạm vi cấp nước cho xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang; cho huyện Cam Lâm và huyện Khánh Sơn.
- Công tác duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước thành phố Nha Trang thực hiện theo khối lượng hợp đồng ký với Chính quyền thành phố.
- Tình hình quản lý tài chính, thu, chi của công ty ổn định, tiết kiệm, minh bạch.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:**

- Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ được giao, trong năm 2020, Ban tổng giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao theo đúng Điều lệ và những quy định của Pháp luật. Điều hành công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính minh mạnh. Năm 2020, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty. Giải quyết dứt điểm việc chi trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông. Công tác quản trị tốt, không vi phạm các quy định về thực hiện công bố thông tin và tính minh bạch, công khai theo đúng quy định.
- Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động, cho cổ đông công ty.
- Chi trả cổ tức cho cổ đông đúng thời gian quy định.

IV. **Kế hoạch hoạt động, phát triển trong năm 2021:**

1. Các chỉ tiêu kế hoạch chính:

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH	NĂM 2021
I. GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG:	
1. Giá trị doanh thu nước máy:	414.653.000.000
2. Giá trị xây lắp:	334.000.000.000
3. Giá trị khảo sát thiết kế:	77.000.000.000
	3.653.000.000
II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU:	
- Nước sản xuất:	53.333.000 m ³
+ Nhà máy nước Võ Cảnh:	42.093.000 m ³
+ Nhà máy nước Xuân Phong:	5.120.000 m ³
+ Nhà máy nước Suối Dầu:	6.120.000 m ³
- Nước tiêu thụ:	45.333.000 m ³
- Tỷ lệ thất thoát:	<15%
- Các khoản nộp ngân sách:	17.700.000.000
- Lợi nhuận trước thuế:	42.800.000.000
- Lợi nhuận sau thuế:	38.500.000.000
- Tỷ lệ trả cổ tức (Dự kiến) :	10,2%

2. **Công tác sản xuất nước sạch:**

- Khai thác, xử lý và quản lý tốt sản phẩm nước sạch từ đầu nguồn đến điểm phân phối; Đảm bảo số lượng nước cung cấp và chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 01: 2009 – Bộ Y tế;
- Nhà máy Võ Cảnh:

+ Đảm bảo sản xuất liên tục, ổn định, định kỳ bảo dưỡng máy, thiết bị; Bảo quản hóa chất; giữ vệ sinh môi trường, chăm sóc cây cảnh.

+ Tiếp tục triển khai các hạng mục cải tạo nâng công suất tối đa cho nhà máy.

- Nhà máy Xuân Phong:

+ Đảm bảo sản xuất liên tục, ổn định, định kỳ bảo dưỡng máy, thiết bị; Bảo quản hóa chất; giữ vệ sinh môi trường, chăm sóc cây cảnh.

+ Bảo dưỡng máy móc, thiết bị, hệ thống điện nhằm sản xuất an toàn, hiệu quả.

+ Quản lý, bảo dưỡng đập ngăn mặn tạm.

- Nhà máy Suối Dầu : Tham gia quản lý, giám sát quá trình sản xuất, giám sát chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y Tế.

- Nhà máy Khánh Sơn: Cải tạo hệ thống mạng, giám sát chất lượng nước đạt tiêu chuẩn; phát triển khách hàng.

3. Công tác doanh thu và các dịch vụ chăm sóc khách hàng:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng.

- Quản lý chặt chẽ công tác ghi chỉ số đồng hồ.

- Phát triển khách hàng nhờ thu qua các kênh ngân hàng, các đại lý nhờ thu.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin khách hàng.

- Duy trì và hạ thấp mức tồn thu dưới 1,5% doanh thu.

4. Công tác Đầu tư – Xây dựng:

- Thực hiện các công trình ống nhánh, công trình cải tạo, công trình đầu tư mạng lưới cấp nước theo danh mục dự kiến trong năm 2021, từ nguồn vốn khấu hao và nguồn quỹ đầu tư, phát triển.

- Thực hiện Dự án cải tạo tuyến DN700 đường 23/10 (đoạn Cầu Dứa –Mã Vòng)

- Phát triển mạng cấp nước cho xã Suối Cát, xã Ninh Ích, khu CN Trảng É.

- Dự án cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Võ Cạnh:

+ Hoàn chỉnh các hạng mục nâng công suất giai đoạn 1.

+ Xem xét nhu cầu sử dụng nước sau dịch để có phương án tiếp tục triển khai các hạng mục nâng công suất tối đa nhà máy nước Võ Cạnh.

- Thực hiện Hợp đồng duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước phía Nam thành phố Nha Trang.

5. Các công tác khác:

- Công tác chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021; công bố thông tin, quản trị nội bộ công ty theo đúng quy định của Luật, Nghị định và Thông tư mới ban hành.

- Dự kiến chi trả cổ tức năm 2021: 10,2%.

- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2018 là 4.657.967.758 tỷ đồng, sẽ xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, đề xuất chi trả cho cổ đông.

- Thực hiện tốt các công tác tổ chức về : Đào tạo, Nhân sự, Tiền lương, Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp người lao động và cho cổ đông.
- Các công tác quản lý, điều hành khác của công ty theo thẩm quyền của Tổng giám đốc và Ban điều hành.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Đã ký)
Nguyễn Văn Đàm

Số: / BC-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
- Địa chỉ trụ sở chính: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang.
Điện thoại: 058.3822315; Fax: 058.3810740; Website: www.ctnkh.com.vn
- Vốn điều lệ: 260.000.000.000 đồng.
- Mã chứng khoán: KHW

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

Hàng năm, trong quý I, công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên, để báo cáo tình hình sản xuất – kinh doanh; hoạt động của Hội đồng quản trị; hoạt động của Ban kiểm soát và các tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc quyền biểu quyết của Đại hội.

- Đại hội đồng cổ đông gần nhất diễn ra vào ngày 23/5/2020 tại hội trường công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa, số 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang.
- Tổng số cổ đông tham dự đại hội và ủy quyền tham dự đại hội là: 300 cổ đông.
- Tương ứng với tổng số cổ phần của cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội là 25.987.900 cổ phần, tương ứng tỷ lệ : 99,95%.
- Tất cả các cổ đông đều đủ điều kiện tham dự Đại hội.
- Các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	10/NQ-ĐHĐCĐ	23/5/2020	Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020. Nghị quyết về các nội dung cần được thực hiện trong năm 2020.

II. Hội đồng quản trị :

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) dự họp năm 2020:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp của thành viên HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Vũ Văn Bình	Chủ tịch	5	100%	-
2	Nguyễn Văn Đàm	Thành viên	5	100%	-
3	Nguyễn Văn Quân	Thành viên	5	100%	-
4	Lục Chánh Trường	Thành viên	5	100%	-
5	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	5	100%	-

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị công ty họp định kỳ 1 lần/quý. Nội dung họp : Bàn bạc, đánh giá, thảo luận và đề xuất các chủ trương, kế hoạch, xây dựng nghị quyết thực hiện trong quý nhằm quản lý , điều hành các hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty.

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ được giao; Căn cứ vào các Nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty đã ban hành và giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc công ty triển khai, thực hiện trong năm 2020;

Căn cứ vào kết quả sản xuất - kinh doanh, thi công xây lắp các công trình trong năm 2020.

Hội đồng quản trị đánh giá việc triển khai thực hiện các chủ trương, kế hoạch và Nghị quyết của Ban tổng giám trong năm 2020 như sau:

- Về hoạt động sản xuất – kinh doanh:

Công tác sản xuất nước sạch ổn định. Chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế quy định.

Năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra:

+ Doanh thu sản xuất nước sạch năm 2020 đạt tỷ lệ 90,38% kế hoạch.

+ Giá trị xây lắp đạt 81,52% kế hoạch.

+ Giá trị Khảo sát thiết kế đạt 101% kế hoạch.

Nguyên nhân chính do dịch bệnh COVID kéo dài đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống xã hội, nhiều ngành nghề phải ngưng trệ hoạt động, chủ yếu là hoạt động du lịch, dịch vụ trên địa bàn thành phố Nha Trang.

- Về quản lý tài chính của công ty: Tình hình tài chính của công ty trong năm 2020: Ổn định, tiết kiệm và minh bạch.
- + Hoạch định kế hoạch về vốn và nguồn vốn, đảm bảo cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư trong năm 2020.
- + Công ty hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách và các khoản nộp khác trong năm 2020.
- Về đầu tư – xây dựng cơ bản:
 - + Thực hiện Dự án cải tạo tuyến DN700 đường 23/10 (đoạn Mã Vòng – Cầu Dứa) : Giai đoạn chuẩn bị hồ sơ, xin giấy phép giao thông, giấy phép thi công.
 - + Thực hiện Dự án cải tạo, nâng công suất tối đa Nhà máy nước Võ Cảnh:
 - . Hoàn thành cải tạo bể lắng.
 - . Đang triển khai cải tạo bể lọc. Dự kiến hoàn thành trong năm 2021.
 - . Triển khai tiếp giai đoạn 2, nâng công suất tối đa của nhà máy.
 - + Mở rộng mạng lưới cấp nước huyện Cam Lâm: Đã hoàn thành 95% khối lượng; còn địa bàn xã Suối Cát, dự kiến năm 2021 sẽ thực hiện.
 - Thực hiện hợp đồng duy tu bảo dưỡng hệ thống thoát nước TP Nha Trang: Đối với khu vực phía Nam thành phố.
- Về công tác quản trị nội bộ công ty:
 - + Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của người lao động.
 - + Công ty đã thực hiện công bố thông tin, đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định của pháp luật. đảm bảo trả cổ tức cho cổ đông đúng thời hạn; không có khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông của công ty.

3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT	25/2/2020	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020
2	05/QĐ-HĐQT	10/3/2020	Nghị quyết HĐQT quý I năm 2020
3	07/NQ-HĐQT	23/3/2020	Nghị quyết HĐQT về việc dời thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
4	09/NQ-HĐQT	08/5/2020	Nghị quyết HĐQT về việc chốt thời gian họp

			Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
5	16/QĐ-HĐQT	27/7/2020	Nghị quyết HĐQT quý II năm 2020
6	20/NQ-HĐQT	27/10/2020	Nghị quyết HĐQT quý III năm 2020
7	21/NQ-HĐQT	19/01/2021	Nghị quyết HĐQT quý IV năm 2020

III. Ban kiểm soát :

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS) dự họp năm 2020:

ST T	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Long	Trưởng ban		04	100%	-
2	Nguyễn Thùy Ninh	Thành viên		04	100%	-
3	Lê Văn Diễn	Thành viên		04	100%	-

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban điều hành và cổ đông:

- Kiểm tra giám sát về việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, thi công các công trình cấp thoát nước;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động về tài chính của công ty;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc;
- Kiểm tra, giám sát Đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức vào quý I hàng năm. Tuy nhiên, năm 2020, Đại hội đồng cổ đông đã dời ngày họp sang ngày 23/5/2020. Các thủ tục về việc xin dời đại hội đã tuân thủ đúng theo quy định hiện hành của pháp luật. Kết quả: Đại hội đã thành công tốt đẹp.
- Công ty đã xử lý bán 46.600 cổ phiếu quỹ theo đúng các thủ tục được quy định.
- Trong năm 2020, các cổ đông của công ty đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, không có trường hợp khiếu nại hoặc tranh chấp nào xảy ra.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý luôn tôn trọng và tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ công ty; các nguyên tắc trong Quy chế phối hợp hoạt động; hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Hoạt động khác của ban kiểm soát: Không có.

5. Danh sách về người có liên quan và giao dịch của người có liên quan của công ty:

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: Quý cổ đông truy cập vào Website công ty, địa chỉ: ctnkh.com.vn. Có đính kèm danh sách.
2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có giao dịch.

VI. Các vấn đề khác:

1. Công ty đã hoàn thành thoái vốn nhà nước xuống còn 51%.
2. Công ty có các cổ đông lớn, cổ đông nhà nước nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ tính đến thời điểm hiện tại:
 - UBND Tỉnh Khánh Hòa : 13.260.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 51%
 - Công ty TNHH Nước sạch REE: 11.409.600 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 43,88%Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh REE đã chuyển quyền sở hữu 11.409.600 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 43,88% cổ phiếu tại KHAWASSCO sang cho Công ty TNHH Nước sạch REE, Hoàn tất thủ tục vào ngày 28/12/2020.
3. Đã xử lý xong 46.600 cổ phiếu quỹ.
4. Đã xử lý xong việc chi trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông.
5. Trong năm, không có trường hợp cổ đông khiếu kiện, khiếu nại các vấn đề liên quan đến các vấn đề về cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Vũ Văn Bình

Số:04 /BC-BKS

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2020**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ quyền và nghĩa vụ; trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Cấp thoát nước Khánh Hòa đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020:

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã được mời và tham gia đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát đã đánh giá hoạt động kế toán tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Thường xuyên bám sát, theo dõi việc quản lý, điều hành sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản, thi công các công trình cấp thoát nước, thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động của Ban điều hành theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2020.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cẩn trọng trong công tác kế toán. Xem xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính cả năm 2020, thông qua báo cáo soát xét 6 tháng và báo cáo tài chính năm 2020 bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC.

II. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa:

1. Cơ cấu vốn tính đến thời điểm 31/12/2020

ĐVT: tỷ đồng

STT	Tên tổ chức và cá nhân	Số vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ
1	Vốn Nhà nước (UBND tỉnh Khánh Hòa)	132,600	51,00 %
2	Công ty TNHH Nước sạch REE	114,096	43,88%
3	Các cổ đông khác	13,304	5,12%
	TỔNG CỘNG	260,0	100%

2. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Năm 2020 Công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán FAC. Công ty kiểm toán đã có ý kiến: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình luân chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo tài chính năm 2020 đã thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty. Những số liệu chính về tình hình tài chính đến ngày 31/12/2020 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính	2019	2020	Tăng/Giảm
I. Tổng tài sản	586,2	538,2	(48)
1. Tài sản ngắn hạn	170,9	169,5	(1,4)
2. Tài sản dài hạn	415,3	368,7	(46,6)
II. Tổng nguồn vốn	586,2	538,2	(48)
1. Nợ phải trả	267,1	211,9	(55,2)
2. Vốn chủ sở hữu	319,1	326,3	7,2

Trong năm 2020, tổng tài sản và tổng nguồn vốn giảm 48 tỷ đồng. Trong đó: Tài sản ngắn hạn giảm 1,4 tỷ đồng và tài sản dài hạn giảm 46,6 tỷ đồng, nguyên nhân giảm giá nước sinh hoạt do tác động của dịch COVID-19 trong 3 tháng 5,6 và 7/2020; Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các dự án lớn nhiều và việc trích khấu hao tài sản cố định theo qui định. Nợ phải trả giảm 55,2 tỷ đồng là do các chỉ tiêu đều giảm và nguồn vốn chủ sở hữu tăng 7,2 tỷ đồng. Trong tình hình dịch bệnh, công ty vẫn đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ, tăng nguồn vốn và tăng lợi tức.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát chưa nhận thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Trong năm 2020, chịu sự tác động khách quan của dịch bệnh COVID-19, ảnh hưởng nặng nề đến các ngành du lịch trên địa bàn thành phố Nha Trang; nước sử dụng cho du lịch, dịch vụ giảm mạnh. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Chỉ tiêu	2019	2020	Tăng/Giảm
Sản lượng nước SX (tr.m ³)	54,8	53,2	(1,6)
Sản lượng nước TT (tr.m ³)	46,9	44,8	(2,1)
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	391,3	364,5	(26,8)
Tổng chi phí (tỷ đồng)	346,4	322,0	(24,4)
Tổng lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	44,9	42,5	(2,40)
Thuế TNDN (tỷ đồng)	4,8	5,0	0,2
Tổng lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	40,0	37,5	(2,5)
Tỷ lệ chia cổ tức	9,5%	10%	0,5%

Năm 2020 là năm khó khăn với tất cả các doanh nghiệp, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa cũng không ngoại lệ. Nhu cầu sử dụng nước của khách hàng giảm đáng kể, bên cạnh đó, Công ty đã chung tay giảm bớt gánh nặng cho người dân và các khu cách ly dịch bệnh theo công văn số 4222/UBND-KT ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc miễn, giảm giá nước sinh hoạt do tác động của dịch COVID-19 trong 3 tháng 5,6 và 7/2020 là khoảng 1,7 tỷ đồng. Kết quả của sự cố gắng của tập thể lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đảm bảo khả năng chi trả, duy trì doanh thu và đảm bảo cổ tức năm 2020 là 10 % cao hơn so với năm 2019.

4. Về lực lượng lao động, tiền lương 2020:

Đến thời điểm 31/12/2020, số lượng cán bộ và nhân viên của công ty là: 326 người, trong năm không có biến động lớn về lực lượng lao động. Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có giảm, song vẫn ổn định. Cán bộ công nhân viên đủ việc làm, các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện đúng Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể, việc chi trả lương hàng tháng đúng hạn, các chế độ phúc lợi được thực hiện đầy đủ. Công ty đẩy mạnh việc nâng cao hiệu

quả lao động bằng nhiều biện pháp, áp dụng máy móc thiết bị công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất lao động, ổn định và cải thiện đời sống cán bộ công nhân viên.

5. Về hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản:

- Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện một số dự án đầu tư lắp đặt mới, các công trình cải tạo, nâng công suất của Nhà máy nước Võ Cảnh; Tuyến ống DN700 Cầu Dứa – Mã Vòng. Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới, cải tạo các tuyến ống do quá cũ với tổng kinh phí 50,49 tỷ đồng. Đồng thời nhận thầu thi công các công trình với giá trị là 19,6 tỷ đồng. Cùng với việc phát triển mạng lưới, Công ty đã lắp đặt mới cho 6.516 khách hàng và thay thế 27.740 đồng hồ đo nước đến hạn.

- Công ty góp vốn đầu tư vào công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu với tỷ lệ vốn góp 30% vốn điều lệ. Công ty CP ĐTXD Cấp thoát nước Suối Dầu đã cung cấp vào mạng lưới 6.4 trm³ đạt tỷ lệ 117.8 %, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

III. Kết quả giám sát về công tác điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa đã có nhiều cố gắng thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2020; Thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng theo đúng Pháp luật, đúng Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

IV. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông

1. Quan hệ phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, giám sát triển khai tổ chức thực hiện nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Các công việc cần triển khai theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được Ban Tổng giám đốc thực hiện đầy đủ, tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

Ban Kiểm soát được mời tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị, được nắm bắt các chủ trương, giám sát hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, giám sát nội dung của các Nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành.

2. Quan hệ phối hợp giữa Ban kiểm soát với cổ đông

Đến hiện tại, Ban Kiểm soát chưa nhận được bất kỳ khiếu nại nào bằng văn bản của cổ đông về hoạt động kinh doanh của công ty, về việc điều hành của Hội

đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Chúng tôi đánh giá: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa năm 2020 trong điều kiện ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 là hiệu quả, công tác quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh của Ban điều hành đã được sự tín nhiệm của cổ đông.

V. Kết luận và kiến nghị

- Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của Pháp luật.

- Năm 2020 là một năm có rất nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực và phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành, Công ty cũng đã đạt được một số kết quả nhất định. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã làm việc nghiêm túc, tập trung, nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành, thực hiện tối đa các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2020.

- Công tác quản lý tài chính minh bạch, rõ ràng, ghi nhận và phản ánh trung thực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, công tác đầu tư phát triển mạng lưới được thực hiện theo kế hoạch một cách bền vững. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra chống thất thoát đã được quan tâm đúng mực nhằm giảm thất thoát, chống thất thu, nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty.

Trong thời gian tới, Ban Kiểm soát kiến nghị Công ty quan tâm một số vấn đề sau:

- Tiếp tục thực hiện dự án: Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Võ Cảnh; Mở rộng mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố và các vùng lân cận, sử dụng nguồn vốn hiệu quả và tiết kiệm.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa trong năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐ cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)

Hoàng Long

Số: /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 20/4/2019;

Theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty Cổ phần cấp thoát nước Khánh Hòa,

Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa, trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Báo cáo Tài chính năm 2020 của công ty đã được công ty TNHH Kiểm toán FAC kiểm toán, theo đúng các quy định hiện hành, với các nội dung chính sau:

Kết quả về hoạt động tài chính của công ty đã được kiểm toán:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020
1	Vốn điều lệ	260.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu	326.267.223.743
3	Tổng tài sản:	538.209.455.207
	<i>Tài sản ngắn hạn:</i>	169.505.129.267
	- Tiền và các khoản tương đương tiền:	22.248.371.303
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	64.000.000.000
	- Các khoản phải thu ngắn hạn:	37.983.661.094
	- Hàng tồn kho:	43.848.994.453
	- Tài sản ngắn hạn khác:	1.424.102.417
	<i>Tài sản dài hạn:</i>	368.704.325.940
	- Tài sản cố định:	324.362.878.950
	- Tài sản dở dang dài hạn:	19.971.447.913
	- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	23.727.804.251
	- Tài sản dài hạn khác:	642.194.826
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	352.347.466.237
5	Các khoản giảm trừ doanh thu:	79.350.245
6	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	352.268.115.992
7	Giá vốn hàng bán:	306.097.994.295
8	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	46.170.121.697
9	Doanh thu hoạt động tài chính:	4.493.605.323
10	Chi phí tài chính:	1.222.201.555

	Trong đó chi phí lãi vay:	2.699.401.555
11	Chi phí bán hàng:	622.838.176
12	Chi phí quản lý doanh nghiệp:	9.066.663.237
13	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	39.752.024.052
14	Thu nhập khác:	7.681.822.022
15	Chi phí khác:	4.860.491.434
16	Lợi nhuận khác:	2.821.330.588
17	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	42.573.354.640
18	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	4.996.021.803
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:	37.577.332.837
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	1.446

Người đại diện theo pháp luật kiêm Tổng giám đốc công ty là ông Nguyễn Văn Đàm, đã ký phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020. Nội dung và các số liệu trong báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
 (Đã ký)

Vũ Văn Bình

Số: /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận,
Chi trả cổ tức năm 2020, Kế hoạch cổ tức năm 2021
Chia cổ tức phần lợi nhuận còn lại của năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về việc Quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 20/4/2019;

Theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2021 của công ty Cổ phần cấp thoát nước Khánh Hòa.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa như sau:

Đơn vị: đồng

1. Vốn điều lệ công ty: (A)	= 260.000.000.000 đồng
2. Lợi nhuận sau thuế: (B)	= 37.577.332.837
- Chia cổ tức cho cổ đông: 10 % x A	= 26.000.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 12,22% x B	= 4.592.412.837
- Trích quỹ khen thưởng: 14 % x B	= 5.260.827.000
- Trích quỹ phúc lợi: 4% x B	= 1.503.093.000
- Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS, BDH 0,59% x B	= 221.000.000

2. Lợi nhuận còn lại năm 2018 là 4.657.967.758 đồng, sẽ chia hết cho các cổ đông.

3. Trên cơ sở phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2020 là 10 % vốn Điều lệ. Phần lợi nhuận còn lại của năm 2018, chi cổ tức là 1,79%.

4. Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất – kinh doanh và đầu tư năm 2021, Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2021, dự kiến là 10,2% vốn Điều lệ.

Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Vũ Văn Bình

Số: /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo quyết toán thù lao năm 2020,
kế hoạch chi trả thù lao năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 21/4/2018;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp[s chi phối của Nhà nước.

Thực hiện Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động – Thương binh – Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020; Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2021 của công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn chi phí trả thù lao như sau:

Thù lao kế hoạch năm 2020:	672.000.000 đồng.
Thù lao thực hiện năm 2020:	643.000.000 đồng.
Dự kiến quỹ thù lao năm 2021:	672.000.000 đồng.

Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Vũ Văn Bình

Số: /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp để đầu tư, cải tạo hệ thống cấp nước đã xuống cấp trên địa bàn thành phố Nha Trang, huyện Diên Khánh, huyện Cam Lâm

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về “”Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [126/2017/NĐ-CP](#) ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số [91/2015/NĐ-CP](#) ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số [32/2018/NĐ-CP](#) ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [91/2015/NĐ-CP](#) ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp”;

Căn cứ công văn số 2753/UBND-KT ngày 07/04/2021 của UBND tỉnh Khánh hòa về việc “ Đồng ý cho phép biểu quyết của người đại diện phần vốn Nhà nước tại Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần cấp thoát nước Khánh hòa năm 2021”;

Căn cứ nội dung công văn số 996/STC–TCDN ngày 30/03/2021 của Sở Tài chính Khánh hòa về một số nội dung biểu quyết của người đại diện phần vốn Nhà nước tại Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần cấp thoát nước Khánh hòa năm 2021”

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cấp thoát nước Khánh Hòa kính trình Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa biểu quyết giao cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc sử dụng quỹ Đầu tư phát triển của doanh nghiệp lũy kế sau khi phân phối lợi nhuận năm 2020 với số tiền **27.771.460.050** đồng (Hai mươi bảy tỷ bảy trăm bảy mươi một triệu bốn trăm sáu mươi ngàn không trăm năm mươi đồng) để đầu tư cải tạo nâng cấp một số tuyến ống cấp nước đã xuống cấp, nhằm nâng cao chất lượng nước phục vụ người dân trên địa bàn TP Nha trang, Huyện Diên Khánh và một phần Huyện Cam lâm.

Hội Đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích nguồn vốn Quỹ đầu tư phát triển Doanh nghiệp và thực hiện đúng trình tự Xây dựng cơ bản theo quy định của Nhà nước và pháp luật, sau đó ghi tăng vốn Điều lệ công ty theo tỷ lệ cổ đông nắm giữ hiện hành theo đúng Mục 8 Nghị định 140/2020/NĐ-CP sửa đổi khoản 1 Điều 13 Nghị định 91/2015/NĐ-CP và Mục 9 Nghị định 140/2020 /NĐ-CP sửa đổi Điều 14 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Vũ Văn Bình

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn công ty kiểm toán năm 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa ngày 26/12/2013, sửa đổi bổ sung ngày 20/04/2019;

Căn cứ thư chào giá của các công ty kiểm toán;

Ban Kiểm soát công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông 03 đơn vị kiểm toán đã gửi hồ sơ năng lực và thư chào giá như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở	Giá chào hàng (đã gồm thuế VAT)
01	Công ty TNHH Kiểm toán FAC	156/12 Ngô Gia Tự, phường 9, quận 10, – TP.Hồ Chí Minh	60.500.000 đ
02	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	02 Trường Sơn – Phường 2 – Q.Tân Bình – TP.Hồ Chí Minh	60.000.000 đ
03	Công ty TNHH Kiểm toán – thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS Việt Nam	Số 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh – P.Hòa Cường Nam – Q.Hải Châu – TP.Đà Nẵng	60.000.000 đ

Sau khi đánh giá hồ sơ năng lực và thư chào giá của 03 đơn vị trên, Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn **Công ty TNHH Kiểm toán – thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS Việt Nam** là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty cổ phần cấp thoát nước Khánh Hòa năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, lựa chọn và thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Hoàng Long

Số: /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ công ty
Sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ công ty
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 20/4/2019;

Thực hiện Nghị quyết số 07/ NQ-HĐQT ngày 12/3/2021 của Hội đồng quản trị, trình Đại hội đồng cổ đông công ty sửa đổi một số nội dung của Điều lệ.

(Nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty, sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ công ty; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được đính kèm theo phụ lục.)

Hội đồng quản trị xin thông qua Đại hội đồng cổ đông ra quyết định để thực hiện.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Vũ Văn Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung
thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thông qua ngày 26/12/2013, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 20/4/2019;

Thực hiện Nghị quyết số 07/ NQ-HĐQT ngày 12/3/2021 của Hội đồng quản trị, trình Đại hội đồng cổ đông công ty; Thông báo số 10/TB-HĐQT về việc nhận được đơn từ nhiệm và thông báo bổ sung nhân sự của công ty TNHH nước sạch REE.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Đơn từ nhiệm chức danh thành viên hội đồng quản trị của ông Lục Chánh Trường – hiện là thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2019-2023.
2. Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát của ông Lê Văn Diễn – hiện là thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2019-2023.
3. Bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, nhân sự do công ty TNHH nước sạch REE đề cử (Kèm theo bản lý lịch trích ngang của các cá nhân)
. Cụ thể như sau:
 - Ông Trương Khắc Hoàn: Ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị.
 - Ông Quách Vĩnh Bình: Ứng cử viên Thành Ban Kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
(Đã ký)

Vũ Văn Bình

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỔNG HỢP NHỮNG ĐIỂM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa soạn thảo Dự thảo Điều lệ công ty 2021 để trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết cho ý kiến tại cuộc họp, trong đó, có các điểm mà Dự thảo sửa đổi bổ sung so với Điều lệ hiện hành, bao gồm:

(Ghi chú: Điều... : Dự thảo Điều lệ 2021; Điều ... : Điều lệ hiện hành)

1. Phần mở đầu

Bổ sung ngày thông qua Điều lệ gần nhất là ***ngày 16/4/2021*** (dự kiến).

2. Điều 1. Giải thích thuật ngữ (Điều 1)

2.1. Bổ sung mới điểm b khoản 1

b) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2.2. Sửa đổi điểm c khoản 1

c) Luật Doanh nghiệp là ***Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;***

2.3. Bổ sung mới điểm d khoản 1

d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

2.4. Sửa đổi điểm e khoản 1

e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp ***Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*** lần đầu;

2.5. Bổ sung mới điểm g khoản 1

g) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, và Kế toán trưởng;

2.6. Sửa đổi điểm i khoản 1

i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại **khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán**;

2.7. Bổ sung mới điểm k, l khoản 1

k) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

2.8. Sửa đổi điểm m khoản 1

m) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và **thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua**;

2.7. Bổ sung mới điểm n khoản 1

n) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

3. Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty (Điều 2)

Bỏ khoản 4 “Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty” của Điều lệ hiện hành.

4. Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty (Điều 5)

Sửa đổi

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

5. Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần (Điều 6)

5.1. Sửa đổi khoản 3

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại **Điều 13, Điều 14** Điều lệ này.

5.2. Bỏ nội dung “Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác” và nội dung “hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá. Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo quy định tại Điều 125, 126 của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán của Công ty cổ phần” trong khoản 5 Điều lệ hiện hành.

5.3. Bỏ nội dung “*Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan*” trong khoản 6 Điều lệ hiện hành.

6. Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu (Điều 7. Cổ phiếu)

6.1. Sửa đổi khoản 1, 2

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

6.2. Sửa đổi khoản 4

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

(Bỏ nội dung “Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy”;

và nội dung “Đối với cổ phiếu có tổng giá trị tính theo mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới” của Điều lệ hiện hành.)

7. Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác (Điều 8)

Bỏ nội dung “*trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự*” của Điều lệ hiện hành.

8. Điều 10. Thu hồi cổ phần (Điều 10)

8.1. Sửa đổi khoản 1

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và **chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.**

8.2. Bổ sung khoản 4

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán **quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp**. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

8.3. Sửa đổi khoản 5

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, **nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh** vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

9. Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát (Điều 12)

Bỏ nội dung “và các Phó Tổng Giám đốc” trong Điều lệ hiện hành.

10. Điều 13. Quyền của cổ đông (Điều 13)

10.1. Bổ sung điểm a, d khoản 2

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền **hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;**

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, **trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;**

10.2. Bổ sung mới điểm i, k, l khoản 2

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

10.3. Sửa đổi khoản 3 và gạch đầu dòng đầu tiên của điểm a khoản 3

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên** có các quyền sau:

a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu **từ 05%** đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;

10.4. Sửa đổi bổ sung điểm b, c, d khoản 3

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại **khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp**;

c) **Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty**;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, **địa chỉ liên lạc**, quốc tịch, số **giấy tờ pháp lý** của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số **giấy tờ pháp lý** của tổ chức, **địa chỉ trụ sở chính** đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

10.5. Bổ sung mới điểm đ khoản 3

đ) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

11. Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông (Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông)

11.1. Bổ sung mới khoản 1, 2.

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

11.2. Sửa đổi khoản 3

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và **Quy chế quản lý nội bộ của Công ty**.

11.3. Bổ sung mới khoản 5

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

11.4. Sửa đổi bổ sung khoản 6

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) *Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;*
- b) *Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;*
- c) *Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;*
- d) *Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.*

12. Điều 15. Đại hội đồng cổ đông (Điều 15)

12.1. Bổ sung khoản 1.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.**

12.2. Sửa đổi bổ sung khoản 2.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. **Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.**

12.3. Bổ sung điểm b khoản 3.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, **Ban kiểm soát** còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

12.4. Sửa đổi điểm d khoản 3.

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

12.5. Bổ nội dung “trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo tại điểm c khoản 4 Điều lệ hiện hành.

13. Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

13.1. Bổ sung các điểm sau của khoản 1.

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

13.2. Bổ sung các điểm sau của khoản 2.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại **khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp** với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

14. Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 17. Các đại diện được ủy quyền)

14.1. Sửa đổi khoản 1

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

14.2. Sửa đổi bổ sung khoản 2

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. **Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân,**

tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

14.3. Bổ Khoản 3 của Điều lệ hiện hành

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

15. (Bổ sung mới) Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

16. Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 18)

16.1. Sửa đổi khoản 1

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại **khoản 3 Điều 15** Điều lệ này.

16.2. Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 2; bổ sung mới khoản b, c, d và g khoản 2

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. **Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;**

b) **Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;**

c) **Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;**

d) **Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;**

g) **Các công việc khác phục vụ đại hội.**

16.3. Sửa đổi bổ sung khoản 3; bổ sung mới khoản a, b, c và d khoản 3

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông **bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông**, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. **Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).** Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) **Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;**

b) **Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;**

c) **Phiếu biểu quyết;**

d) **Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.**

17. Điều 20. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 19)

Bổ khoản 4 của Điều lệ hiện hành.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

18. Điều 21. Thủ tục tiên hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 20)

18.1. Bổ sung mới điểm a và điểm b khoản 1

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

18.2. Bổ sung điểm a khoản 2

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa **hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa** cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.

18.3. Bổ sung mới điểm a, b, c khoản 4

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

18.4. Bổ sung mới khoản 10

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

19. Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua (Điều 21. Hình thức và Điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông)

19.1. Bổ khoản 1 của điều lệ hiện hành

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

19.2. Bổ sung điểm b khoản 1

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

19.3. Bổ sung mới khoản 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

19.4. Bổ khoản 6 khoản 7 của điều lệ hiện hành

6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua, bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

(Đưa xuống điều 23 của Dự thảo Điều lệ 2021)

20. Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Điều 22)

20.1. Sửa đổi khoản 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, **trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.**

20.2. Sửa đổi khoản 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại **khoản 3 Điều 19** Điều lệ này.

20.3. Sửa đổi điểm c khoản 3. Họ, tên, **địa chỉ liên lạc**, quốc tịch, **số giấy tờ pháp lý** của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, **địa chỉ liên lạc**, quốc tịch, **số giấy tờ pháp lý** của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

20.4. Bổ cụm từ “và người đại diện theo pháp luật” trong (điểm f) **điểm g khoản 3.**

20.5. Bổ sung khoản 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản **nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành** và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

21. Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông)

21.1. Bổ sung điểm i khoản 1. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

21.2. Bổ sung khoản 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán...

22. Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Điều 24 và một phần của Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông).

Sửa đổi

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại **khoản 2 Điều 115** Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại **khoản 3 Điều 22** Điều lệ này.

23. (Bổ sung mới) Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

24. Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản (gộp điều 26. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị và điều 27. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.)

24.1. Sửa đổi điểm a khoản 3 (điểm a khoản 1 điều 27). Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại **khoản 2 Điều 17** của Luật Doanh nghiệp;

24.2. Bổ sung mới

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới để thay thế chỗ trống phát sinh tại cuộc họp gần nhất.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

25. Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (Điều 28)

25.1. Bổ sung khoản 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

25.2. Sửa đổi điểm d khoản 2 (khoản 1). Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại **khoản 1 và khoản 2 Điều 133** Luật Doanh nghiệp.

25.3. Bổ sung mới điểm i khoản 2. Thông qua hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

25.4. Sửa đổi điểm n khoản 2 (khoản 1). Trình báo cáo tài chính hằng năm **đã được kiểm toán** lên Đại hội đồng cổ đông.

25.5. Bổ sung mới điểm q khoản 2. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

25.6. Bổ sung mới khoản 3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

25.7. Sửa đổi khoản 5 (khoản 3). Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, **cổ đông của công ty** có quyền yêu cầu **Tòa án** đình chỉ thực hiện Nghị quyết nói trên.

26. (Bổ sung mới) Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

27. Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị (Điều 29)

27.1. Bổ sung khoản 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

27.2. Bổ sung khoản 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

27.3. Bổ sung khoản 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền **hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định** thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

28. Điều 31. Cuộc họp Hội đồng quản trị (Điều 30)

28.1. Bổ nội dung “*Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.*” trong **khoản 2 Điều 30 Điều lệ hiện hành.**

28.2. Bổ sung khoản 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

28.3. Sửa đổi khoản 6. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng *giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử* và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

28.4. Sửa đổi điểm b khoản 9. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại *khoản 11* Điều này.

29. Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty (Điều 36)

Sửa đổi bổ sung

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ***ít nhất 01 người*** làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Số lượng và nhiệm kỳ của người phụ trách công ty do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

30. (Bổ sung mới) Điều 33. Người điều hành Công ty (thay thế cho điều 31. Trách nhiệm của người quản lý công ty)

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, và Kế toán trưởng.
2. Tổng giám đốc được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

31. (Bổ sung mới) Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

32. Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát (Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát và điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên)

Sửa đổi bổ sung

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại **Điều 169** Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

33. Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát (tách 1 phần từ điều 37. Thành viên Ban kiểm soát)

Sửa đổi điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. ***Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.***

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

34. Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát (Điều 38)

Sửa đổi, bổ sung

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại ***Điều 170*** Luật Doanh nghiệp và ***các quyền, nghĩa vụ*** sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

35. (Bổ sung mới) Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

36. Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát (Điều 40. Tiền lương và các lợi ích khác của Kiểm soát viên)

Bổ sung chữ “thù lao, thưởng”.

37. Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (Điều 44)

Sửa đổi, bổ sung

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với

những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng bằng hoặc lớn hơn 20% kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

38. Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ (Điều 46)

Bổ sung

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

39. Điều 49. Phân phối lợi nhuận (Điều 47)

Sửa đổi khoản 5

“*Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam*” thành “**Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam**”.

40. Điều 52. Chế độ kế toán (Điều 50)

Sửa đổi

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan...

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

41. Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý (Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý)

Sửa đổi

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

42. Điều 55. Kiểm toán (Điều 53)

Sửa đổi

2. Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

43. Điều 56. Dấu của doanh nghiệp (Điều 54. Con dấu)

Sửa đổi

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

44. (Bổ sung mới) Điều 57. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

45. (Bổ sung mới) Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

46. (Sửa đổi tên) Điều 61. Điều lệ công ty (Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ)

47. Điều 62. Ngày hiệu lực (Điều 59)

Sửa đổi khoản 1.

1. Bản điều lệ này gồm **20 mục, 62 điều** được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa nhất trí thông qua ngày **16 tháng 4 năm 2021** tại Thành phố Nha Trang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NĂM 2021

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2021,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa.

Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về:
 - Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc
 - Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng:
 - Cổ đông;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Tổng giám đốc.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo điều 16 Điều lệ công ty.

Điều 3. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Việc triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng theo quy định tại điều 19 Điều lệ công ty.
3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.

Điều 4. Điều kiện tiến hành; cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông được áp dụng theo Điều 20 Điều lệ công ty.
2. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ pháp lý;

b) Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp).

3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, số phiếu biểu quyết và/hoặc Phiếu bầu cử của cổ đông đó, trong đó:

a) “Thẻ biểu quyết” có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty;

b) “Phiếu biểu quyết” có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty;

c) “Phiếu bầu cử” có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu, có đóng dấu treo công ty.

4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 5. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước Đại hội:

- a) Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- b) Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- c) Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

3. Phương thức bầu, biểu quyết:

a) Phương thức biểu quyết “Thẻ biểu quyết”: mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát 01 phiếu biểu quyết trong đó có 03 ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng nội dung biểu quyết. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

b) Phương thức bầu “Phiếu bầu cử”: cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên của người mình muốn bầu. Phương thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

c) Phương thức giơ “Phiếu biểu quyết”: khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung khác, trừ các báo cáo, tờ trình, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội.

4. Tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

a) Về hình thức: Thẻ hoặc Phiếu hợp lệ là Thẻ hoặc Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa.

b) Về nội dung:

- Thẻ biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, đánh dấu “X” bằng bút mực chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết.

- Phiếu bầu cử:

- + Không ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- + Đánh dấu “X” bằng bút mực, không ghi nội dung bằng viết chì, không gạch tên các ứng viên;
- + Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.

5. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu:

a) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phiên họp và kiểm tra số Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 6. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điều 22 Điều lệ công ty.

2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Điều 7. Nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điều 24 Điều lệ công ty công ty.

2. Trong thời gian 24 giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện sau:

a) Trang thông tin điện tử của Công ty;

b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;

c) Trang thông tin điện tử của Sở GDCK.

Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại điều 25 Điều lệ công ty công ty.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng Tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Vai trò; quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.
3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị áp dụng theo quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 11. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị áp dụng theo Điều 26 Điều lệ công ty.
2. Thành phần và nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị áp dụng theo Điều 27 Điều lệ công ty.
3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm;

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Trừ trường hợp quy định khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 12. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì bầu chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp mà có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;

b) Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có Quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự và thủ tục được quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản ký tên vào biên bản cuộc họp; trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 14. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Số lượng và nhiệm kỳ của người phụ trách công ty do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 15. Vai trò; quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 40 Điều lệ công ty.
3. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát áp dụng theo quy định tại Điều 43 Điều lệ công ty.

Điều 16. Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty.
2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 17. Cách thức bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự Khoản 3 Điều 11 của Quy chế này.
2. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:
 - a) Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận.
 - b) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 18. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG VI. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 20. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 21. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.
2. Tại các cuộc họp quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát.
3. Tại các cuộc họp quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tham dự.
4. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải được chuyển đến người được mời ít nhất 03 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời họp dự thính có thể tham gia thảo luận, ý kiến khi được Chủ tọa phiên họp cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Biên bản, quyết định, nghị quyết cuộc họp được gửi cho các thành viên tham dự phiên họp (bao gồm cả thành viên họp dự thính) trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 22. Thông báo văn bản của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Bản sao các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời hạn năm 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp của Hội đồng quản trị kết thúc.

Điều 23. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty và những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Điều 24. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý các cấp phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.
2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng giám đốc cũng như cán bộ quản lý các cấp báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
3. Tổng Giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

a) Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính, so sánh với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 06 tháng và hàng năm);

b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, hàng năm) và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Trước 31/3 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;

d) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

4. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền, Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty đều phải được gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 01 bản để báo cáo.

Điều 25. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động và kế hoạch hành động chung.

2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.

3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát nêu trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

CHƯƠNG VIII. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 26. Đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá hoạt động:

a) Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét, đánh giá;

- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
 - Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
- b) Đối với cán bộ quản lý cấp trung và cấp cơ sở, Tổng Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

- a) Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- b) Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- c) Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý công ty định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- d) Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động và do Tổng Giám đốc quyết định.

Điều 27. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng:

a) Thẩm quyền khen thưởng:

- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Tổng Giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

b) Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền;
- Bằng hiện vật.

c) Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban điều hành công ty được thực hiện theo Quy chế khen thưởng được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

d) Việc khen thưởng đối với các chức danh quản lý khác, người lao động được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động Công ty.

2. Kỷ luật:

Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ quản lý Công ty thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật lao động.

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện quy chế, nếu có những quy định của Điều lệ công ty, pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty quy định khác hoặc chưa đề cập trong Quy chế này thì những quy định của của Điều lệ công ty, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2021,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 05% tổng số cổ phần phổ thông. Trường hợp cổ đông sở hữu ít hơn 05% tổng số cổ phần hoặc người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các

thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp: Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm;

Trừ trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;

b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;

d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;

đ) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;

- e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 15% đến 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - i) Thông qua hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ; hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở

hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và

độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2021,

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - đ) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại

hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết

Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN